

Số: **24** /2009/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **09** tháng **01** năm **2009**

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu phí đấu giá trên địa bàn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTUQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/06/2002 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng và Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 4/2/2004 của Bộ Tài chính quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 96/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2008/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Khoá XIII Kỳ họp thứ 17;

Xét đề nghị của Cục thuế thành phố Hà Nội tại công văn số 17473/CT-THNVDT ngày 21/11/2008 và Báo cáo thẩm định số 39/STP-VBPQ ngày 08/01/2009 của Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng nộp phí

- Tổ chức, cá nhân có tài sản bán đấu giá và người tham gia đấu giá tài sản.
- Không thu phí đấu giá đối với tổ chức, cá nhân có tài sản bán đấu giá trong trường hợp tài sản bán đấu giá là tài sản tịch thu, sung công quỹ.

Điều 2. Mức thu phí:

1. Mức thu phí đấu giá đối với việc bán đấu giá tài sản theo quy định tại Nghị định số: 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

a) Mức thu phí đấu giá đối với người có tài sản bán đấu giá:

- Trường hợp bán được tài sản bán đấu giá thì mức thu phí được tính trên giá trị tài sản bán được, như sau:

STT	Giá trị tài sản bán được	Mức thu
1	Từ 1 triệu đồng trở xuống	50.000 đồng
2	Từ trên 1 triệu đồng đến 100 triệu đồng	5 % giá trị tài sản bán được
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	5 triệu đồng + 1,5% của phần giá trị tài sản bán được vượt quá 100 triệu đồng
4	Trên 1 tỷ đồng	18,5 triệu đồng + 0,2% của phần giá trị tài sản bán được vượt quá 1 tỷ đồng

- Trường hợp bán đấu giá tài sản không thành thì người có tài sản bán đấu giá thanh toán cho đơn vị bán đấu giá các chi phí theo quy định tại khoản 2, Điều 26, Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

b. Mức thu phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá:

Mức thu phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá được quy định tương ứng với giá khởi điểm của tài sản đấu giá như sau:

STT	Giá khởi điểm của tài sản	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 20 triệu đồng trở xuống	20.000
2	Từ trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng	50.000
3	Từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100.000
4	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
5	Trên 500 triệu đồng	500.000

Trường hợp cuộc đấu giá tài sản không được tổ chức thì người tham gia đấu giá tài sản được hoàn lại toàn bộ số tiền phí đấu giá tài sản mà người tham gia đấu giá tài sản đã nộp.

2. Mức thu phí đấu giá đối với việc bán đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất theo Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

Mức thu phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá được quy định tương ứng với giá khởi điểm của quyền sử dụng đất hoặc diện tích đất bán đấu giá như sau:

a. Trường hợp bán đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 3 của quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất ban hành kèm theo Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg.

STT	Giá khởi điểm của quyền sử dụng đất	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 200 triệu đồng trở xuống	100.000
3	Từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
3	Trên 500 triệu đồng	500.000

b. Trường hợp bán đấu giá quyền sử dụng đất khác quyền sử dụng đất quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 3 của quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất ban hành kèm theo Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg.

STT	Diện tích đất	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 0,5 ha trở xuống	1.000.000
2	Từ trên 0,5 ha đến 2 ha	3.000.000
3	Từ trên 2 ha đến 5 ha	4.000.000
4	Từ trên 5 ha	5.000.000

Các mức thu trên đã bao gồm thuế GTGT trong trường hợp là phí ngoài ngân sách (do các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bán đấu giá thu).

Điều 3. Đơn vị thu phí

1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bán đấu giá tài sản trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

2. Đơn vị sự nghiệp có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc Hội đồng bán đấu

giá tài sản thuộc Thành phố Hà Nội.

Đơn vị thu phí có trách nhiệm niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí về tên phí, mức thu phí, phương thức thu và cơ quan quy định thu. Khi thu phí phải cấp chứng từ thu phí cho đối tượng nộp phí theo quy định.

Điều 4. Quản lý, sử dụng tiền phí thu được

1. Đối với đơn vị thu phí là đơn vị sự nghiệp có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc Hội đồng bán đấu giá tài sản: Phí đấu giá thu được là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

+ Trường hợp đơn vị thu phí đã được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho việc tổ chức bán đấu giá thì đơn vị thu phí phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

+ Trường hợp đơn vị thu phí chưa được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho việc tổ chức bán đấu giá: đơn vị thu phí nộp 20 phần trăm (%) vào ngân sách nhà nước và để lại 80 phần trăm (%) số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc tổ chức bán đấu giá theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/07/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/05/2006 của Bộ Tài chính theo quy định.

2. Đối với đơn vị thu phí là doanh nghiệp kinh doanh bán đấu giá tài sản: Phí đấu giá thu được là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước, tiền phí thu được là doanh thu của đơn vị thu phí, đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật. Hàng năm, đơn vị thu phí phải thực hiện quyết toán thuế đối với số tiền phí thu được với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

3. Đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất theo quy định tại Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg : đơn vị thu phí được để lại 100 % số tiền phí thu được để chi phục vụ công tác đấu giá; trường hợp không chi hết thì phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Hàng năm, đơn vị thu phí phải thực hiện quyết toán đối với số tiền phí thu được với cơ quan Thuế theo quy định của pháp luật về thuế, phí hiện hành.

Điều 5. Chứng từ thu phí

1. Đối với doanh nghiệp bán đấu giá tài sản: sử dụng hoá đơn giá trị gia tăng do Cơ quan Thuế phát hành.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị nhà nước: sử dụng biên lai thu phí do cơ quan Thuế phát hành.

Điều 6. Xử lý vi phạm

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/09/2003 của Chính phủ và Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 115/2007/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 của UBND Thành phố Hà Nội (cũ) về việc thu phí đấu giá trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 2262/2006/QĐ-UBND ngày 19/12/2006 của UBND tỉnh Hà Tây (cũ) về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tây.

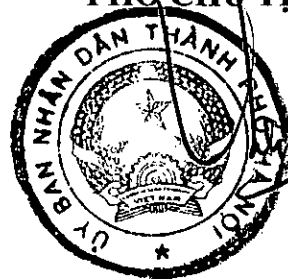
Điều 8. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Cục Thuế TP Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện và tương đương; Các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- TT Thành ủy, VP Thành ủy;
- Đoàn ĐB Quốc Hội Hà Nội;
- TT HĐND TP; Ban KTNS - HĐND TP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các sở, ban ngành của TP;
- Trung tâm công báo; Công giao tiếp điện tử TP;
- CPVP, các Phòng CV;
- Lưu VT. *Sub*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Mạnh Hiến